TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2021/DS-ST
Ngày 31/3/2021
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Bảo Th, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 126B/21 khu phố N 1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T; địa chỉ: số 153/1, đường 30/4, khu phố H, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1971; địa chỉ: 153/1 khu phố H, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc Th; sinh năm 1982; địa chỉ: 153/1 đường 30/4, khu phố H, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 126B/21 khu phố N 1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Thái B, sinh năm 1962; địa chỉ: 240, đường Bình Thung, khu phố B1, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Bảo Th trình bày:

Vào năm 2017 bà Th và bà Nguyễn Thị Ngọc D có thỏa thuận bằng miệng với nhau về việc bà D sẽ đại diện cho bà Th thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An để tranh chấp đất với bà Đoàn Thị Hương, phí dịch vụ cho hợp đồng này là 50.000.000 đồng. Để thực hiện hợp đồng thì bà Th đã giao cho anh Nguyễn Ngọc Th số tiền: 50.000.000 đồng, anh Th nhận thay và có nghĩa vụ chuyển lại số tiền trên cho bà D.

Sau khi nhận tiền của bà Th thì bà D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An), hai bên có thỏa thuận thời hạn thực hiện hợp đồng là cho đến khi giải quyết xong vụ án. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý số 232/2018/TLST – DS ngày 01/8/2018. Đến tháng 11/2018 do bà Th có nhu cầu chuyển nhượng nên đã ký hợp đồng đặt cọc với bà Phan Thị Tuyết L do đất có tranh chấp với bà Đoàn Thị H và Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đang thụ lý giải quyết nên không thể giao kết hợp đồng. Vì vậy, bà đồng ý việc bà D sẽ rút đơn khởi kiện tại Tòa án để thực hiện việc chuyển nhượng đất, nhưng sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho bà L xong thì bà D có nghĩa vụ tiếp tục đại diện cho bà tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An để tiếp tục tranh chấp với bà H.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Bảo Th tự nguyện rút một phần phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải trả lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng trên để khởi kiện trực tiếp bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Vào ngày 05/3/2020 bà và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T có ký hợp đồng dịch vụ số 149/HĐ/2020 về việc khiếu nại việc đền bù quyền sử dụng đất, hợp đồng có thỏa thuận: *Bên A (Đoàn Thị Bảo Th) giao cho bên B (Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T) liên hệ với UBND phường Bình Đường, UBND thị xã Dĩ An, phòng Tài nguyên môi trường thị xã Dĩ An, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Dĩ An và các cơ quan các cấp liên quan đê nộp, nhận, ký tên hồ sơ, khiếu nại việc đền bù quyền sử dụng đất;* thời hạn thực hiện hợp đồng là 45 ngày; giá trị thực hiện hợp đồng là: 30.000.000 đồng; phương thức thanh toán là bên A giao cho bên B số tiền là: 22.000.000 đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng; bên A thanh toán số tiền còn lại là: 8.000.000 đồng ngay sau khi hoàn tất hợp đồng.

Mặc dù, trên hợp đồng ghi ngày 04 tháng 03 năm 2020 tại văn phòng Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T, nhưng thực tế thì hợp đồng trên được ký kết tại nhà bà tại số: 126B/21 khu phố N 1, phường B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và ký kết vào ngày 05/3/2020. Vào ngày (04/3/2020) thì giữa hai bên chỉ

giao tiền chưa ký hợp đồng dịch vụ, cũng không làm biên bản giao nhận tiền và người trực tiếp giao tiền cho bà D là chồng bà ông Nguyễn Văn M.

Hợp đồng có thỏa thuận trong thời hạn 45 ngày thì phía công ty Như Tâm phải thực hiện công việc khiếu nại tranh chấp đất với bà H, nhưng sau khi nhận tiền thì bà D đã không thực hiện công việc như thỏa thuận, do bà D đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên bà yêu cầu bà D phải trả lại tiền. Quá trình bà Th đòi lại tiền thì bà D có trả lại cho bà số tiền 5.000.000 đồng. Vì vậy, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải trả lại cho bà Đoàn Thị Bảo Th số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, lời khai trong quá trình tố tụng bà D trình bày:

Bà thừa nhận giữa bà và bà Đoàn Thị Bảo Th có thỏa thuận với nhau về việc bà Th ủy quyền cho bà tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án dân sự thụ lý số: 232/2018/TLST – DS ngày 01/8/2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An. Phí dịch vụ cho giao dịch trên là 50.000.000 đồng; biên nhận ngày18/8/2017 do anh Nguyễn Ngọc Th nhận số tiền 50.000.000 đồng là nhận thay cho bà và sau khi nhận số tiền trên từ bà Th thì anh Th đã giao lại cho bà.

Đối với giao dịch này thì bà đã tiến hành đúng thỏa thuận là tham gia tố tụng tại Tòa án Dĩ An trong vụ án đã được thụ lý số 232/2018/TLST – DS ngày 01/8/2018 quá trình tố tụng giải quyết vụ án thì bà Thcó nhu cầu chuyển nhượng đất nên yêu cầu bà rút đơn khởi kiện để làm thủ tục chuyển nhượng. Sau khi bà rút đơn khởi kiện thì bà Đoàn Thị Bảo Th đã tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà Phan Thị Tuyết Lan vào ngày 30/10/2018.

Việc bà Th đề nghị bà rút đơn khởi kiện để tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hoàn toàn phụ thuộc vào nhu cầu và ý chí tự nguyện của bà Th, không có lỗi của bà, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 144/2018/QĐST – DS ngày 05/10/2018 có hiệu lực pháp luật thì hợp đồng dịch vụ giữa bà và bà Đoàn Thị Bảo Th đã thực hiện xong. Vì vậy, bà không đồng ý trả lại cho bà Đoàn Thị Bảo Th số tiền đã nhận.

Vào năm 2020 do bà Th biết bà H đang được Trung tâm phát triển quỹ đất bồi thường quyền sử dụng đất nên bà Th tiếp tục đề nghị bà thực hiện khiếu nại đền bù quyền sử dụng đất với bà Đoàn Thị H. Vào ngày 04/3/2020 tại văn phòng Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T, bà Đoàn Thị Bảo Th và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T đã ký kế hợp đồng dịch vụ số 149/HĐ/2020, nội dung hợp đồng có thỏa thuận như bà Thtrình bày nhưng Hợp đồng được ký kết tại trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T, mặc dù trên bản hợp đồng có thỏa thuận *"Bên A giao cho bên B số tiền là: 22.000.000 đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng"* nhưng do bà Th nói đang khó khăn nên chưa có tiền để giao cho bà, vì vậy ngày 04/3/2020 hai bên chỉ ký kết hợp đồng chứ không

giao nhận tiền. Bà chưa có nhận tiền từ bà Th nên cũng không có trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho bà Th như lời bà Thtrình bày.

Mặc dù chưa nhận tiền dịch vụ từ hợp đồng trên nhưng bà cũng đã tiến hành làm đơn và nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An (có biên nhận đơn ngày 12/8/2020 của Tòa án) và liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ An để nộp hồ sơ cho bà Th. Vì vậy, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, lời khai trong quá trình tố tụng anh Th trình bày:

Vào ngày 18/8/2017 thì anh có đến nhà của bà Đoàn Thị Bảo Th nhận giùm cho bà D số tiền 50.000.000 và đã giao lại cho bà Dung. Còn đối với hợp đồng dịch vụ số 149/HĐ/2020 ngày 04/3/2020 giữa bà Đoàn Thị Bảo Th và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T thì không liên quan đến anh. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, lời khai trong quá trình tố tụng ông M trình bày:

Ông là chồng của bà Đoàn Thị Bảo Th, đối với số tiền mà nguyên đơn khởi kiện thì đây là tài sản chung của hai vợ chồng ông bà; Vào khoảng 14 giờ chiều ngày 04/3/2020 thì bà Nguyễn Thị Ngọc D người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T có đến nhà ông để lấy số tiền 22.00.000 đồng, số tiền này là tiền mà bà Nguyễn Thị Bảo Th tạm ứng trước cho bà D thực hiện hợp đồng dịch vụ khởi kiện tranh chấp đất đai với bà H. Sau khi bà Th và bà D ký hợp đồng thì ông giao cho bà D số tiền 22.000.000 đồng nhưng hai bên không lập biên bản giao nhận tiền. Ông xác định hợp đồng dịch vụ số 149/HĐ/2020 ngày 04/3/2020 được bà Th và bà D ký kết tại nhà ông số 126B/21 khu phố N 1, phường B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhưng trên bản hợp đồng vẫn ghi là tại văn phòng Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T là do bà D đã đánh sẵn nội dung của hợp đồng từ trước.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Thái B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, lời khai trong quá trình tố tụng bà B trình bày: Bà là chị gái của bà Đoàn Thị Bảo Th, bà biết bà Nguyễn Thị Ngọc D do có gặp vài lần ở nhà bà Th. Vào khoảng 14 giờ chiều ngày 04/3/2020 thì bà có tới nhà bà Th và mang theo 20.000.000 cho bà Th mượn, số tiền 20.000.000 bà giao cho em rể là Nguyễn Văn M. Bà biết việc bà Th mượn tiền bà nhằm giao cho bà D để bà D lo giấy tờ đất đai cho bà Thành. Khi bà đến nhà bà Th thì bà đã thấy bà D ở trong nhà bà Th, lúc đó trong nhà bà Th có 04 người gồm: Bà, chồng bà Th là ông M, bà Th và bà Dung. Tại thời điểm đó thì bà thấy em rể là ông Nguyễn Văn Minh có giao cho bà D số tiền là 22.000.000 đồng (trong đó mượn của bà 20.000.000 đồng, còn tiền của ông M

2.000.000 đồng). Bà chỉ thấy ông M giao tiền cho bà D nhưng không thấy giữa bà D, ông M và bà Th ký giấy tờ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về yêu cầu Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T trả lại số tiền 17.000.000 đồng, xét thấy nguyên đơn khởi kiện nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Bảo Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với bị đơn Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T, địa chỉ: số 153/1, đường 30/4, khu phố H, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Th, ông Nguyễn Văn M và người làm chứng bà Đoàn Thị Thái B vắng mặt và đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Ngọc Th, ông Nguyễn văn M và bà Đoàn Thị Thái B.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải trả lại cho bà Đoàn Thị Bảo Th số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận tiền ngày 18/8/2017. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

[4] Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định giữa Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T và bà Đoàn Thị Bảo Th có ký kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ số 149/HĐ/2020 ngày 04/3/2020.

[5] Về số tiền dịch vụ: Bà Thtrình bày chồng bà là ông M đã giao cho bà D số tiền 22.000.000 đồng, và còn nợ lại 8.000.000 đồng thỏa thuận sau khi bà D hoàn tất hợp đồng sẽ giao tiếp số tiền còn lại, giữa bà D và ông M, bà Th không lập biên bản giao nhận tiền. Tuy nhiên, lời khai của bà Th, ông M không được bà D thừa nhận. Bà D cho rằng hợp đồng được ký kết tại trụ sở công ty Như Tâm vào ngày 04/3/2020 nhưng sau khi ký hợp đồng thì bà Th nói đang khó khăn nên bà Th vẫn chưa có tiền để giao cho bà.

Mặc dù, đồng dịch vụ số 149/HĐ/2020 ngày 04/3/2020 có nội dung: "*Bên A giao cho bên B số tiền là: 22.000.000 đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng*, nhưng tại phiên tòa bà Th trình bày; thực tế ông M giao tiền cho bà Nguyễn Thị Ngọc D vào chiều ngày 04/3/2020 còn hợp đồng được ký kết vào ngày 05/3/2020. Lời trình bày của bà Th phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Đoàn Thị Thái B là "*chiều ngày 04/3/2020 chỉ thấy ông M giao tiền cho bà D không thấy hai bên ký giấy tờ gì*". Điều này thể hiện không có sự việc giao nhận tiền ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng.

Ông M, bà Th, bà B đều cho rằng vào chiều ngày 04/3/2020 thì ông M có giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 22.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Xét ông M là chồng của bà Th, bà B là chị gái của bà Th, họ đều là những người có quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống với nhau nên những lời trình bày của ông M, bà B không đủ khách quan để chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn.

[6] Về số tiền 5.000.000 đồng: Bà Th cho rằng quá trình bà Th đến công ty T để yêu cầu bà D trả lại số tiền 22.000.000 đồng thì bà D có trả lại cho bà số tiền 5.000.000 đồng nhưng bà không nhớ bà D đã trả lại tiền vào ngày nào, việc bà D trả lại tiền cho bà hai bên cũng không lập biên bản giao nhận. Lời trình bày trên của bà Th cũng không được bà D thừa nhận. Vì vậy, nghĩa vụ chứng minh thuộc về bà Th. Tại phiên tòa bà Th cũng khẳng định đó là sự thật ngoài ra không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, không có cơ sở để xác định công ty T do bà D làm đại diện có trả lại cho bà Th số tiền 5.000.000 đồng.

[7] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 513, 514 và Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng theo biên nhận tiền ngày 18/8/2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Bảo Th đối với Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ T về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Bảo Th phải chịu 850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0048977 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An trả lại cho bà Đoàn Thị Bảo Th 825.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà